

1994

QUY TRÌNH ĐIỀU TRA CƠ BẢN TỔNG HỢP
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG 60-B



Vấn đề 60-B-05

Đề tài 60-B-05-01B

ĐIỀU TRA KINH TẾ — XÃ HỘI VỀ
LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP,
VẤN ĐỀ ĐẶT RA, HƯỚNG GIẢI QUYẾT Ở
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Chủ giả : ĐÀO CÔNG TIẾN
và Cộng tác viên

M U C L U C

Trang

Phần I : Những nét khái quát về lực lượng sản xuất trong nông nghiệp đồng bằng sông Cửu long 1

I. Quy ruộng đất 1

II.- Lực lượng lao động 4

III.- Cơ sở vật chất kỹ thuật 7

IV.- Kết luận 8

Phần II : Những vấn đề kinh tế xã hội 9

I.- Về phân công sử dụng đất 9

II.- Về phân công sử dụng và sở hữu tư liệu sản xuất 11

III.- Về hình thức tổ chức lao động 13

IV.- Về quan hệ nghĩa vụ và trao đổi hàng hoá giữa Nhà nước và nông dân 18

V.- Về khoán sản phẩm 20

VI.- Kết luận 23

Phần III : Phương hướng biện pháp 25

I.- Về phân công sử dụng đất 25

II.- Các nông hộ 26

III.- Thực hiện phân công sử dụng ... 26

IV.- Về cơ chế, chính sách 27

V.- Đòi hỏi cơ chế chính sách ... 28

**Điều tra kinh tế xã hội và lực lượng sản xuất
trong nông nghiệp và một số vấn đề về đổi mới
cơ chế quản lý kinh tế đất ra hướng giải quyết**

ở Đồng bằng sông Cửu Long

Báo Công Tiến và cộng tác viên)

Phần I :

**NHỮNG VẾT KHAI QUÁT VỀ LỰC LƯỢNG SẢN
XUẤT TRONG NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG
CỬU LONG**

I.- Quy ruộng đất :

Đồng bằng sông Cửu Long có trên 3,97 triệu ha đất
tự nhiên. Trong đó 2,4 triệu ha đất đang sử dụng nông
nghiệp, từ 29,2 đến 31,9 vạn ha đang dùng vào lâm nghiệp.
Đất còn hoang ở đồng bằng và vùng đồi núi từ 56,2 đến
64,3 vạn ha (1)

Đất Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là đất phù sa
đất tốt có khả năng cho năng suất cao đối với nhiều loại
cây trồng vật nuôi.

Đất đồng bằng sông Cửu Long gắn với chế độ khí hậu
rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (bức xạ nhiệt
rất dồi dào và ổn định đối với yêu cầu của cây trồng
lúa được thỏa mãn ở tất cả các mùa vụ. Nắng hầu như
không gây ảnh hưởng gì đến sản xuất. Nước sông Cửu Long
nước mưa với lượng bình quân hàng năm cao và nước ngầm
tập cho đồng bằng sông Cửu Long nguồn nước ngọt lớn).

Với mức đầu tư vật chất kỹ thuật còn hạn chế, nhưng với những năng lực tự nhiên đó, cộng với sự lao động sáng tạo của nông dân đồng bằng, trong việc bố trí cây trồng, mùa vụ và cơ cấu giống, chọn lựa biện pháp canh tác hợp lý, nền đất đồng bằng sông Cửu long đã cho những năng suất, sản lượng ngày càng cao.

- 7 đến 8 tấn/ha lúa Đông xuân, 5 - 6 tấn/ha lúa hè thu, 3,5 - 4 tấn/ha lúa mùa cao sản là những năng suất đã được trên diện tích lớn ở nhiều khu vực của đồng bằng.

- Trong 10 năm từ sau giải phóng sản xuất lúa đã tăng 10,08 % về diện tích, 43,7 % về năng suất và 58,1 % về sản lượng lúa từ 4,58 triệu tấn (bình quân thời kỳ 1976-1980) lên 6,48 triệu tấn (bình quân thời kỳ 1981-1985) và 7,2 triệu tấn (1986) (2)

Tay đất đồng bằng sông Cửu long thích ứng với sản xuất lúa, cây lúa có vị trí hàng đầu, nhưng khả năng phát triển một nền nông nghiệp tổng hợp đa dạng hoá ở đây không nhỏ (lâm, thủy sản, hoa màu cây công nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao) gắn với cả 3 chương trình kinh tế lớn (lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu).

- Thủy sản là thế mạnh của đồng bằng sông Cửu long, sản lượng thủy sản bình quân hàng năm thời kỳ 1981-1985 là 345.000 tấn. Trong số 95.000 tấn là thủy sản nội địa. Năm 1985 sản lượng thủy sản - Đồng bằng sông Cửu long chiếm 40 % và đóng góp 60 % lượng thủy sản.

(2) Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm - Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu long trong 3 năm 1988-1990.

xuất khẩu so với cả nước .

- Đồng bằng sông Cửu long chịu nhiều tổn thất trong chiến tranh, sau chiến tranh nhiều nơi đã trồng lại và có tốc độ phủ xanh khá nhanh cân bằng sinh thái và tài nguyên tổng hợp rừng có dấu hiệu khôi phục

- Sản phẩm cây công nghiệp, cây ăn trái, vừa có khối lượng lớn và cơ cấu phong phú .

Hạn chế vốn cơ bản đất Đồng bằng sông Cửu long là có tới 47,2 % bị phân mảnh làm cho độ phì nhiêu và độ phì kinh tế (tiềm tàng và thực tế) còn có khoảng cách lớn . Năng suất nhiều loại cây trồng ở nhiều khu vực Đồng bằng vẫn còn thấp . Với sự hạn chế vốn cơ bản, cộng với những yếu tố hạn chế về kinh tế - xã hội quỹ đất Đồng bằng sông Cửu long chưa được khai thác sử dụng đầy đủ, hợp lý thể hiện trên một số mặt chủ yếu sau :

- Đất hoang ở Đồng bằng sông Cửu long và vùng cây núi tới 56,2 đến 64,3 vạn ha .

- Tỷ số quay vòng trên đất trồng cây hàng năm là 1,1 lần và trên đất lúa là 1,25 lần .

- Độc canh lúa còn rất nặng (đất chuyển mùa và cây công nghiệp gần đây mới có khoảng 115.000 ha bằng 5,4 % đất trồng cây hàng năm, diện tích này luân canh với lúa mới khoảng 22.000 ha) .

- Hư hại trồng khai thác thủy sản còn nặng về quảng canh và lùa sát vừa cho năng suất thấp vừa phá hoại nghiêm trọng môi trường, nguồn tái sinh các giống loài thủy sản .

- Hạn cháy rừng và phá rừng, phá hoại nghiêm trọng các hệ sinh thái rừng đã gây nhiều tổn thất cho tài nguyên rừng chưa được chữa lành .

II.- LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG :

Đồng bằng sông Cửu Long có quy mô dân số lớn và gia tăng nhanh (1976 có 10,6 triệu có 13,58 triệu và 1985 có 13,86 triệu) . Tốc độ gia tăng bình quân hàng năm còn trên 2,3 % .

Trong hơn 6 triệu lao động xã hội, có khoảng 4,5 triệu làm nông nghiệp, là một số lượng hùng hậu so với quy mô đất nông nghiệp sử dụng là 2,4 triệu ha, thừa sức để phát triển nông nghiệp theo hướng chuyên canh đa canh và thâm canh .

Người lao động nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long nhất là trung tâm (chiếm 65 %, trong đó trung nông trên 15 %) (1) - giàu kinh nghiệm sản xuất, nhạy bén tiếp thu khoa học kỹ thuật, đã từng gắn bó với sản xuất hàng hoá nên nhạy với hiệu quả kinh tế trong chọn lựa cơ cấu sản xuất và biện pháp kỹ thuật . Trung nông đã và đang là nhân vật trọng tâm của lực lượng lao động, có kinh nghiệm tổ chức sản xuất kinh doanh, có tư liệu sản xuất, có khả năng tái đầu tư và gắn bó th thiết tha với đồng ruộng . Trung nông Đồng bằng sông Cửu Long phần lớn được hình thành từ việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng trong hai thời kỳ kháng chiến và sự canh tân hoá kỹ thuật từ trước và sau giải phóng . Trung nông cổ làng quê nước gắn bó với cách mạng .

Những nét nết nết của lực lượng lao động Đồng bằng sông Cửu Long là :

(1)- Đề tài 60.B.05.02 Giáo sư Đỗ Thái Đông

- Dân cư, lao động nông nghiệp phân bố không đều, khu vực Miền Trung chịu ảnh hưởng giữa và ven sông Tiền, sông Hậu thì đất hẹp người đông có mật độ dân số từ 500-900 người/km². Vùng còn lại, nhất là Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, Ven biển và bán đảo Cà Mau thì đất rộng người thưa có mật độ dân số dưới 500 người/km². Trong đó có khoảng 9 huyện vùng sâu có mật độ dân số dưới 100 người/km².

Dân cư và lao động phát triển nhanh, tập trung quá lớn vào nông nghiệp lại phân bố không đều giữa các ngành, giữa các khu vực là một trở lực lớn trong việc sử dụng có hiệu quả cả tài nguyên đất và lao động (tỷ suất sử dụng lao động nông nghiệp mới đạt 38,4% ở Đồng Tháp, 47% ở Long An).

- Trình độ trang bị kỹ thuật còn thấp, lao động thủ công còn phổ biến thậm chí còn thiếu cả công cụ thô sơ.

- Trình độ văn hoá khoa học kỹ thuật của dân cư và lao động Đồng bằng sông Cửu Long còn thấp so với nhiều vùng khác của đất nước (6% không biết chữ, 7% chỉ biết đọc biết viết, 61% hết cấp I, 21% hết cấp 2, 5% hết cấp III) ở các vùng dân tộc ít người trình độ văn hoá còn quá thấp, số người không biết chữ có nơi lên đến 30 - 40%. Năm 1986 ở Kiên Giang có 10% thanh niên đến tuổi nghĩa vụ Quân sự không biết chữ, Đồng bằng sông Cửu Long đứng đầu về quy mô dân số lại đứng về hàng thứ 6 về quy mô cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao đẳng và Đại học trở lên so với 8 vùng của cả nước.

- Đời sống vật chất và văn hoá còn thiếu thốn, lương
nhỏ (mức thu nhập bình quân đầu người 1984 là khoảng
13.000 đồng). Trên dưới 40 % số này sử dụng cho ăn,
khoảng 5 - 7 % cho mặc, 3 % cho ở, 10 % tái đầu tư
cho sản xuất, 15 % cho các nhu cầu khác. Phần lớn
những đơn vị đồng bằng sông Cửu Long có nguồn thu nhập rất th
thấp chỉ đủ sản xuất lúa gạo và nuôi heo.

Mô hình học tập, chăm sóc sức khoẻ của y tế, hưởng
thụ văn hoá nghệ thuật cũng hết sức thấp kém.

Trên 90 % số nhà ở không kiên cố, trong đó không ít
nhà lợp núp, bần chột, nhất là ở vùng sâu, ven biển (Long
An, Mỹ Giang 20 %, Kiên Giang 40 % số nhà lợp núp
chột núp (1).

Đường xá, cầu cống nông thôn và phương tiện đi lại
còn thấp kém thiếu thốn.

- Một bộ phận không nhỏ khoảng 20 % số nông hộ
thiếu vốn và tư liệu sản xuất, ít kinh nghiệm sản xuất,
ít gắn bó thiết tha với đồng ruộng. Nhiều máy gặt đập chế
không nhỏ cho việc khai thác, sử dụng đất đai thì nguyên
đồng bằng với năng suất chất lượng và hiệu quả cao. Đây
cũng là bộ phận nông dân thương mại nghèo túng (đều
tra 2.000 hộ nông dân thuần đồng bằng sông Cửu Long có
10 % số thiếu đối tượng nhận 15 % số thiếu đối tượng lúc,
Long An 20 % số phải đối phó với cái ăn, cái mặc hằng
ngày, huyện Mỹ Xuyên - Mỹ Giang ở khu vực người Khơ me
25 % số hộ thiếu đối tượng xuyên vùng dân tộc Khơ me Kiên
Giang con số này lên đến 30 % (2)

(1), (2) Số liệu dựa trên các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long
năm 1986, 1987. Bộ môn kinh tế nông nghiệp Đại
học Kinh tế.

Với những hạn chế trên, cùng với cơ chế chính sách của Nhà nước đối với nông nghiệp và cơ chế chính sách trong nội bộ các xí nghiệp nông nghiệp chưa thực sự bảo đảm quyền tự chủ và khuyến khích mạnh mẽ đối với cơ sở và người lao động trong sản xuất kinh doanh đã làm nông dân đồng bằng sông Cửu Long thiếu yên tâm, phấn khởi thậm chí giảm sút ý chí sản xuất và chăm lo đời sống.

III.- Cơ sở vật chất kỹ thuật :

Hiện nay, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đầu tư được trang bị và quản lý sử dụng vào nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long có :

- Về diện tích hệ thống đường dây cao thế, nhà máy điện trả nợ, 11 cụm phát điện với tổng công suất trên 5 vạn kw (bằng 1/20 tổng công suất của đồng bằng sông Hồng)

Lượng điện sử dụng thực tế ở đồng bằng sông Cửu Long năm 1985 là 219,9 triệu kw, năm 1986 là 224,3 triệu kw. Bình quân đầu người khoảng 16 kw/người.

- Có 5,916 máy kéo lớn, 4.400 máy kéo nhỏ (tính trọng kỹ thuật thấp, sử dụng không quá 30 o/o công suất thiết kế) kể cả số máy về trên bờ sử dụng khoảng 30 o/o diện tích lúa cấy.

~~- Về 4.300 ha sông ngòi một công và bình tự động~~

(dây rộng 10 - 30 m, sâu 0,5 - 3 m) 3.200 ha kênh ngang nối kênh trục (dây rộng 5 - 10 m, sâu 0,5 - 1,2 m). Hệ thống đập hồ có thể ngăn 8 tháng ở một số vùng, gần 1.000 ha đất ngăn mặn, 182 công lớn, 104 trạm bơm cố định, 500 máy bơm lớn di động 70.000 - 90.000 máy bơm nhỏ đã tạo thành hệ thống thủy nông tuy chưa hoàn chỉnh nhưng cũng đã bảo đảm tưới tiêu một diện tích gieo trồng lúa và hoa màu cây

công nghiệp nhất định (khoảng 20 - 30 o/o diện tích vụ lúa Đông mùa và Hồ thu) .

Một hạn chế của thủy lợi ở Đồng bằng sông Cửu Long là thiếu những công trình chính phục và tạo nguồn nước dẫn về hệ thống thủy nông nội đồng một cách chắc chắn ổn định . Hệ thống thủy nông nội đồng chủ yếu là sông ngòi kênh rạch, vẫn thiếu và không được nạo vét, sửa chữa và cải tạo phần, nạn cơn là yêu cầu lớn trên nhiều vùng chưa được giải quyết tốt nên hạn chế đến khai hoang tăng vụ và thâm canh tăng năng suất .

- Mức đắp đê và phân, thuốc, năng suất cho sản xuất còn thấp so với kế hoạch và yêu cầu kỹ thuật canh tác năm 1986 mới đắp đê 30 - 35 o/o ở Long An, 60 o/o ở Hậu Giang, 66 o/o ở An Giang, 65 o/o ở Minh Hải) .

- Diện tích sản phẩm hiện có 40 vạn mét vuông, ở Minh Hải chỉ có khoảng 3,4 o/o số sản phẩm, xi măng . Số còn lại là sản phẩm chỉ sử dụng được trong vụ mùa .

Hệ thống khí chứa, có sức chứa khoảng 2,1 triệu tấn.

Cả sản phẩm và nhà kho chỉ mới đắp đê khoảng 20 - 30 o/o yêu cầu theo hợp đồng và cốt trữ bảo quản sản phẩm

IV.- Hiện trạng :

1)- Hiện trạng về đất đai và lực lượng lao động rất lớn .

2)- Cơ sở vật chất kỹ thuật cả trang bị và mức độ sử dụng thực tế còn thấp so với yêu cầu mở rộng quy mô sản xuất đất và lao động, cũng như yêu cầu thâm canh nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp .